

TRẦN BÁ HIẾU

51 ĐỀ KIỂM TRA ÔN LUYỆN HỌC KỲ 1 **SACHHOC.COM** **MÔN TOÁN**

Bám sát
chương trình
mới
của Bộ GD & ĐT

LỚP

3

Sachhoc.com



Điểm đặc biệt của cuốn sách này

- Tóm lược đầy đủ kiến thức quan trọng nhất theo sách giáo khoa.
- Ghi nhớ - ôn tập dễ dàng và hiệu quả cao.
- Thực hành qua những bài tập bám sát trọng tâm kiến thức.

SACHHOC.COM

TỦ SÁCH LUYỆN THI

TRẦN BÁ HIẾU

51 ĐỀ KIỂM TRA
ÔN LUYỆN HỌC KỲ I
MÔN TOÁN LỚP 3
(18 TUẦN)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 1. ĐỀ 1
MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Số lớn nhất có ba chữ số khác nhau là:

- A. 999 B. 998 C. 987 D. 978

Câu 2: Số nào dưới đây được đọc: Bảy trăm hai mươi tám.

- A. 728 B. 782 C. 278 D. 872

Câu 3: Tổng của số lớn nhất có ba chữ số và số nhỏ nhất có ba chữ số là:

- A. 1909 B. 1099 C. 1990 D. 9019

Câu 4: Viết số tiếp theo vào dãy số: 234, 237, 240, ...

- A. 239 B. 241 C. 242 D. 243

Câu 5: Tìm x: $x + 263 = 569$

- A. $x = 268$ B. $x = 306$ C. $x = 826$ D. $x = 822$

Câu 6: Tìm số bé nhất trong các số sau : 375, 421, 573, 241

- A. 375 B. 421 C. 573 D. 241

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

- a) $284 + 370$ b, $286 + 703$ c, $286 - 123$ d, $732 - 511$

Câu 2: Giá tiền một cuốn sổ là 500 đồng, giá tiền một chiếc bút nhỏ hơn giá tiền một cuốn sổ là 200 đồng. Hỏi giá tiền một chiếc bút là bao nhiêu?

Câu 3: Từ ba chữ số 2, 3, 8 ta lập được một số có ba chữ số là A. Từ hai chữ số 2, 8 ta lập được một số có hai chữ số khác nhau là B. Tìm hai số A và B biết hiệu giữa A và B là 750.

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 1. ĐỀ 2
MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Số lẻ nhỏ nhất có ba chữ số khác nhau là:

- A. 101 B. 123 C. 103 D. 113

Câu 2: Số lớn nhất trong các số sau là: 672, 276, 627, 726.

- A. 672 B. 276 C. 627 D. 726

Câu 3: Tìm x: $x - 234 = 756$

- A. $x = 990$ B. $x = 909$ C. $x = 934$ D. $x = 943$

Câu 4: Số nào dưới đây được đọc là: Ba trăm tám mươi tư

- A. 348 B. 384 C. 834 D. 843

Câu 5: Viết số tiếp theo vào dãy số: 300, 310, 320, ...

- A. 321 B. 303 C. 330 D. 331

Câu 6: Số 703 được đọc là :

- A. Bảy trăm linh ba B. Bảy trăm ba mươi
C. Ba trăm linh bảy D. Ba trăm bảy mươi

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

- a, $275 + 314$ b, $667 - 317$ c, $524 + 63$ d, $756 - 42$

Câu 2: Trường Tiểu học X có 370 học sinh nam. Số học sinh nữ nhiều hơn số học sinh nam là 24 học sinh. Hỏi số học sinh nữ là bao nhiêu?

Câu 3: Từ ba chữ số 3, 4, 5 viết tất cả các số có ba chữ số lập từ ba chữ số trên (mỗi chữ số không được lặp lại)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 1. ĐỀ 3
MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Hiệu $286 - 24$ bằng bao nhiêu:

- A. 262 B. 226 C. 162 D. 261

Câu 2: Số nào dưới đây được đọc là: Sáu trăm ba mươi tư

- A. 643 B. 364 C. 634 D. 346

Câu 3: Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần: 136, 163, 631, 613

- A. 136, 163, 631, 613 B. 136, 163, 613, 631
C. 163, 136, 631, 613 D. 163, 136, 613, 631

Câu 4: Số lẻ liền sau số 286 là:

- A. 284 B. 285 C. 287 D. 288

Câu 5: Tìm x : $x + 26 = 596$

- A. $x = 570$ B. $x = 507$ C. $x = 850$ D. $x = 805$

Câu 6: Số lớn nhất trong các số sau là :

- A. 987 B. 978 C. 897 D. 879

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Tính nhẩm:

- a, $500 + 400$ b, $900 - 400$ c, $700 + 50 + 6$ d, $750 - 700$

Câu 2: Tìm x :

- a, $x - 28 = 750$ b, $x + 211 = 619$ c, $x - 20 = 830$ d, $x + 16 = 106$

Câu 3: Khu A và B có tất cả 560 hộ dân cư, trong đó khu A có 280 hộ. Hỏi khu B có bao nhiêu hộ dân cư?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 2. ĐỀ 1
MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Số chẵn liền sau 384 là:

- A. 382 B. 383 C. 385 D. 386

Câu 2: Tính giá trị biểu thức: $432 - 215 = ?$

- A. 217 B. 271 C. 227 D. 223

Câu 3: Cho biểu thức $\dots \times 4 \times 10 = 40$. Vậy số cần điền vào chỗ trống là:

- A. 1 B. 40 C. 0 D. 6

Câu 4: Một đàn gà có 8 con. Hỏi có tất cả bao nhiêu cái chân?

- A. 14 chân B. 15 chân C. 16 chân D. 17 chân

Câu 5: Số lớn nhất có ba chữ số là:

- A. 989 B. 100 C. 899 D. 999

Câu 6: Điền số tiếp theo vào dãy số : 1, 4, 7, 10, ...

- A. 12 B. 13 C. 14 D. 15

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

- a, $367 + 125$ b, $541 - 127$ c, $168 + 503$ d, $746 - 251$

Câu 2: Viết tiếp vào chỗ trống:

- a, Viết số: 208. Đọc số:
- b, Viết số: Đọc số: Tám trăm sáu mươi tư
- c, Viết số: 730. Đọc số:
- d, Viết số: Đọc số: Chín trăm sáu mươi tám

Câu 3: Một cửa hàng ngày thứ nhất bán được 389kg gạo. Ngày thứ hai bán được nhiều hơn 250kg gạo. Hỏi ngày thứ hai bán được bao nhiêu kg gạo?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 2. ĐỀ 2
MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Tính giá trị biểu thức: $627 - 143 = ?$

- A. 448 B. 484 C. 424 D. 524

Câu 2: Điền số thích hợp vào chỗ trống: 1, 2, 3, 5, 8, ...

- A. 11 B. 12 C. 13 D. 15

Câu 3: Kết quả của biểu thức: $5 \times 5 + 5 \times 4$ là:

- A. 45 B. 100 C. 25 D. 90

Câu 4: Một đàn chó người ta đếm được 36 cái chân. Hỏi đàn chó đó có bao nhiêu con?

- A. 6 con B. 7 con C. 8 con D. 9 con

Câu 5: Mai có 5 cái kẹo, Hồng có 9 cái kẹo. Hỏi Hồng phải cho Mai bao nhiêu cái kẹo thì số kẹo của hai bạn bằng nhau:

- A. 1 cái kẹo B. 2 cái kẹo C. 3 cái kẹo D. 4 cái kẹo

Câu 6: Có bao nhiêu số có hai chữ số khác nhau mà chứa chữ số 5?

- A. 8 B. 9 C. 17 D. 15

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

- a, $542 - 318$ b, $367 + 120$ c, $487 + 380$ d, $541 - 127$

Câu 2: Một cuộc họp chuẩn bị 9 dãy ghế, mỗi dãy có 8 chiếc. Hỏi cuộc họp đó chuẩn bị bao nhiêu chiếc ghế?

Câu 3: Tìm một số có ba chữ số biết rằng, nếu xoá chữ số hàng chục đi ta được số mới kém số ban đầu 210 đơn vị. Tìm số đó.

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 2. ĐỀ 3
MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Tìm x biết: $234 + x = 756$

A. $x = 522$

B. $x = 521$

C. $x = 252$

D. $x = 225$

Câu 2: Số chẵn lớn nhất có ba chữ số có chữ số hàng trăm là 7 là:

A. 798

B. 788

C. 790

D. 970

Câu 3: Biểu thức nào sau đây đúng:

A. $a \times 0 = a$

B. $a : 1 = a$

C. $1 : a = a$

D. $1 \times a = 1$

Câu 4: Hiệu của A và số lớn nhất có hai chữ số là 100. Hỏi A bằng bao nhiêu?

A. 198

B. 189

C. 199

D. 200

Câu 5: Tìm một số biết rằng, lấy số đó trừ đi 34 thì bằng 43 cộng với 58. Số cần tìm là:

A. 101

B. 135

C. 67

D. 91

Câu 6: Thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức $24 + 16 : 2 \times 4$ là :

A. Cộng, chia, nhân

B. Cộng, nhân, chia

C. Chia, nhân, cộng

D. Nhân, chia, cộng

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

a, $487 + 302$

b, $555 - 160$

c, $935 - 551$

d, $108 + 75$

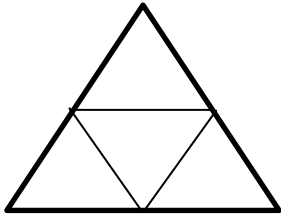
Câu 2: Huy và Tâm sưu tầm được 560 con tem, trong đó Huy sưu tầm được 380 con tem. Hỏi Tâm sưu tầm được bao nhiêu con tem?

Câu 3: Cô giáo có 5 gói kẹo, mỗi gói có 9 chiếc kẹo. Hỏi cô giáo có tất cả bao nhiêu chiếc kẹo?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 3. ĐỀ 1
MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Cho hình vẽ, hình vẽ bên có bao nhiêu hình tam giác:



- A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

Câu 2: Hình vẽ ở câu 1 có bao nhiêu hình tứ giác?

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 3: Tìm x biết: $x - 2 \times 8 = 560$

- A. $x = 576$ B. $x = 566$ C. $x = 567$ D. $x = 756$

Câu 4: Từ các chữ số 2, 8, 9 số lớn nhất được tạo thành là:

- A. 289 B. 982 C. 298 D. 892

Câu 5: Số nào được đọc là: Sáu trăm mười ba

- A. 316 B. 631 C. 613 D. 361

Câu 6: Số lớn nhất trong các số: 783, 738, 873, 837 là:

- A. 783 B. 738 C. 873 D. 837

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Tính:

- a, $5 \times 3 + 132$ b, $32 : 4 + 106$ c, $20 \times 3 : 2$ d, $186 - 9 \times 9$

Câu 2: Lớp 3A xếp thành hai hàng, trong đó hàng thứ nhất có 18 học sinh. Hàng thứ hai có ít hơn hàng thứ nhất 3 học sinh. Hỏi hàng thứ hai có bao nhiêu học sinh?

Câu 3: An, Bình, Hoà được cô giáo cho một số nhãn vở. Nếu An cho Bình 6 nhãn vở, Bình cho lại Hoà 4 nhãn vở thì số nhãn vở của mỗi bạn là 12 cái. Hỏi lúc đầu mỗi bạn có bao nhiêu nhãn vở?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 3. ĐỀ 1
MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Lớp 3A có 28 học sinh, xếp đều vào 7 hàng. Hỏi mỗi hàng có bao nhiêu học sinh?

- A. 2 học sinh B. 3 học sinh C. 4 học sinh D. 5 học sinh

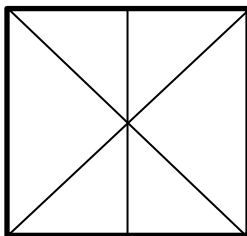
Câu 2: Số lẻ liền sau số 983 là:

- A. 981 B. 982 C. 984 D. 985

Câu 3: An có một số kẹo, biết sau khi cho bạn $\frac{1}{3}$ số kẹo. An còn lại 6 chiếc. Hỏi ban đầu An có bao nhiêu chiếc kẹo?

- A. 9 chiếc kẹo B. 18 chiếc kẹo C. 6 chiếc
kẹo D. 12 chiếc kẹo

Câu 4: Cho hình vẽ, hình vẽ bên có bao nhiêu hình tam giác:



- A. 10 B. 12 C. 8 D. 6

Câu 5: Hình vẽ câu 4 có bao nhiêu hình tứ giác:

- A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

Câu 6: Có bao nhiêu số có ba chữ số giống nhau:

A. 7

B. 8

C. 9

D. 10

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Đội một trồng được 230 khóm hoa hồng, đội hai trồng được nhiều hơn đội một 90 khóm. Hỏi đội hai trồng được bao nhiêu khóm?

Câu 2: Tìm x:

a, $(x - 266) : 5 = 7$

b, $(x - 129) \times 4 = 36$

c, $786 - x = 5 \times 4 : 2$

d, $x + 24 : 4 \times 3 = 285$

Câu 3: An đi từ nhà đến trường hết 20 phút. Tú đi từ nhà đến trường hết 40 phút. Hỏi ai đi nhanh hơn biết khoảng cách từ nhà Tú và nhà An cách trường là như nhau?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 3. ĐỀ 3

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Nhà An có 24 con gà, số vịt bằng $\frac{1}{3}$ số gà. Hỏi nhà An có bao nhiêu con vịt?

A. 6 con

B. 7 con

C. 8 con

D. 9 con

Câu 2: Hiệu của hai số là 13. Nếu giữ nguyên số trừ và tăng số bị trừ lên 2, thì hiệu mới bằng bao nhiêu?

A. 13

B. 14

C. 15

D. 16

Câu 3: Một buổi tập văn nghệ có 5 bạn nam, số bạn nữ gấp 3 lần bạn nam. Hỏi buổi tập văn nghệ có bao nhiêu người?

A. 20 người

B. 15 người

C. 10 người

D. 5 người

Câu 4: Một giờ bằng bao nhiêu phút?

A. 30 phút

B. 60 phút

C. 40 phút

D. 50 phút

Câu 5: Chị của Hà năm nay 15 tuổi, 3 năm trước tuổi Hà bằng $\frac{1}{2}$ tuổi chị. Hỏi năm nay Hà bao nhiêu tuổi?

A. 6 tuổi

B. 12 tuổi

C. 15 tuổi

D. 9 tuổi

Câu 6: May 3 bộ quần áo hết 27m vải. Hỏi mỗi bộ quần áo hết bao nhiêu mét vải?

A. 8m

B. 9m

C. 6m

D. 7m

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Bao gạo thứ nhất nặng 125kg, bao gạo thứ hai nặng 84kg. Hỏi bao gạo thứ nhất nặng hơn bao gạo thứ hai bao nhiêu kg?

Câu 2: Hiệu hai số bằng 76. Nếu thêm số bị trừ 12 và giữ nguyên số trừ thì hiệu hai số thay đổi như thế nào? Tìm hiệu đó?

Câu 3: Viết số có ba chữ số có hàng chục gấp 3 lần hàng đơn vị, hàng trăm bằng nửa hàng chục.

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 4. ĐỀ 1

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Tính: $421 - 13 = ?$

A. 408

B. 418

C. 409

D. 419

Câu 2: Để đổ đầy một chiếc xe cần 5 lít xăng. Hỏi để đổ đầy 6 chiếc xe như vậy cần bao nhiêu lít xăng?

- A. 24 lít xăng B. 25 lít xăng C. 30 lít xăng D. 35 lít xăng

Câu 3: Bây giờ là 4 giờ 56 phút. Hỏi nếu kim phút quay được một vòng thì khi đó là mấy giờ ?

- A. 3 giờ 56 phút B. 5 giờ 56 phút C. 16 giờ 56 phút D. 5 giờ 26 phút

Câu 4: Tìm x biết: $x : 8 = 6$

- A. $x = 45$ B. $x = 46$ C. $x = 47$ D. $x = 48$

Câu 5: Số nào được đọc là: Ba trăm mười sáu

- A. 3106 B. 316 C. 361 D. 136

Câu 6: Số lớn nhất có ba chữ số khác nhau là:

- A. 998 B. 999 C. 987 D. 989

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Điền dấu $>$, $<$, $=$

- | | | | |
|-----------------|--------------|-----------------|--------------|
| a, 4×7 | 4×6 | b, 4×5 | 5×4 |
| c, $16 : 4$ | $16 : 2$ | d, $25 : 5$ | $15 : 3$ |

Câu 2: Giải bài toán theo tóm tắt sau:

Có : 4 thuyền

Mỗi thuyền: 6 người

Tất cả : ? người

Câu 3: Kho A ngày đầu xuất kho 254kg thóc. Ngày thứ hai xuất đi 230kg thóc. Hỏi ngày thứ hai xuất kho ít hơn ngày thứ nhất bao nhiêu kg thóc?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 4. ĐỀ 2

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Số chẵn liền trước số 784 là:

- A. 782 B. 783 C. 785 D. 786

Câu 2: Viết số tiếp theo vào dãy số: 6, 12, 18, 24, ...

- A. 25 B. 26 C. 27 D. 30

Câu 3: Tìm x: $x : 3 = 9$

- A. 12 B. 18 C. 27 D. 36

Câu 4: So sánh $24 : 4$ 3×3

- A. > B. < C. = D. Không thể so sánh được

Câu 5: Hiệu của số lớn nhất có 3 chữ số khác nhau và số nhỏ nhất có ba chữ số khác nhau với chữ số hàng trăm là 7 là bao nhiêu?

- A. 97 B. 86 C. 88 D. 90

Câu 6: Để đi từ nhà Hoa sang nhà Thuý, Hoa đi mất 268 bước, để đi từ nhà Thuý đến nhà An . Hoa mất 102 bước. Hỏi nếu Hoa đi từ nhà Hoa đến nhà Thuý hết bao nhiêu bước chân, biết nhà ba bạn nằm trên một đường thẳng và nhà Thuý nằm ở giữa?

- A. 360 B. 370 C. 380 D. 390

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

- a, $415 + 415$ b, $234 + 423$ c, $652 - 126$ d, $728 - 245$

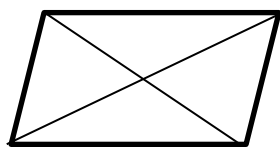
Câu 2: Một tệp vở có 5 cuốn. Hỏi 6 tệp vở như thế có bao nhiêu cuốn?

Câu 3: Một cửa hàng buổi đầu bán được 782m vải, buổi sau bán được 120m vải. Hỏi cả 2 ngày cửa hàng bán được bao nhiêu mét vải?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 4. ĐỀ 3
MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Cho hình vẽ, hình vẽ bên có bao nhiêu hình tam giác:



- A. 4 B. 6 C. 8 D. 10

Câu 2: Viết số tiếp theo vào dãy số: 8, 12, 16, 20, ...

- A. 21 B. 22 C. 23 D. 24

Câu 3: Tính: $356 - 156 = ?$

- A. 200 B. 300 C. 100 D. 400

Câu 4: Đoạn dây dài 208m, cắt đi 37m. Hỏi đoạn dây còn lại bao nhiêu mét?

- A. 271m B. 171m C. 117m D. 245m

Câu 5: Chị của An năm nay 12 tuổi. Tuổi An bằng $\frac{1}{2}$ tuổi chị. Hỏi 3 năm nữa chị An hơn An bao nhiêu tuổi?

- A. 3 tuổi B. 4 tuổi C. 5 tuổi D. 6 tuổi

Câu 6: Trong phòng có bốn dãy bàn, mỗi dãy có 6 chiếc bàn. Hỏi lớp học có bao nhiêu chiếc bàn?

- A. 20 chiếc bàn B. 24 chiếc bàn C. 28 chiếc bàn D. 32 chiếc bàn

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Tìm x:

$$a, x - 27 = 5 \times 9$$

$$b, x + 13 = 80 : 2$$

$$c, x \times 4 = 32$$

$$d, x : 8 = 5$$

Câu 2: Hoa và Bình có 348 con tem. Hoa có 160 con tem. Hỏi Bình có bao nhiêu con tem?

Câu 3: Bố An cắt một khúc gỗ lớn thành các khúc gỗ nhỏ. Mỗi khúc gỗ nhỏ dài 3m và bố An phải cắt mất 5 lần mới hết khúc gỗ. Hỏi khúc gỗ dài bao nhiêu mét?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 5. ĐỀ 1

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Tính: $23 \times 4 = ?$

A. 92

B. 82

C. 27

D. 29

Câu 2: Tìm x: $x \div 6 = 25$ $x = ?$

A. 501

B. 105

C. 150

D. 120

Câu 3: An có 36 chiếc kẹo chia đều vào 6 túi. Hỏi mỗi túi có bao nhiêu chiếc kẹo?

A. 2 chiếc kẹo

B. 5 chiếc kẹo

C. 5 chiếc kẹo

D. 6 chiếc kẹo

Câu 4: Một ngày có 24 giờ. Hỏi 6 ngày có tất cả bao nhiêu giờ?

A. 4

B. 144

C. 414

D. 141

Câu 5: Điền số thích hợp vào chỗ trống: $\overline{2...} \times 3 = 72$

A. 7

B. 6

C. 5

D. 4

Câu 6: Tích của số nhỏ nhất có 2 chữ số khác nhau và 5 bằng bao nhiêu?

A. 50

B. 55

C. 60

D. 65

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Đặt tính và tính:

a, 15×3

b, 26×4

c, 45×6

d, 23×5

Câu 2: Mẹ nuôi một đàn gà có 36 con. Hỏi đàn gà đó có tất cả bao nhiêu cái chân?

Câu 3: An có 15 quả táo. Tú hơn An 7 quả. Hoà có số táo gấp 2 lần số táo của Tú. Hỏi Hoà có bao nhiêu quả táo?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 5. ĐỀ 2

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Tìm x biết: $x \div 6 = 34$ $x=?$

A. 206

B. 204

C. 205

D. 207

Câu 2: Tính: $23 + 156 = ?$

A. 179

B. 189

C. 199

D. 197

Câu 3: Một cuộn vải có 35m vải. Hỏi 2 cuộn như thế có bao nhiêu mét vải?

A. 35

B. 37

C. 70

D. 45

Câu 4: So sánh: 25×6 ... 24×7

A. >

B. <

C. Không thể so sánh

D. =

Câu 5: Số lớn nhất có 3 chữ số mà có chữ số hàng trăm là 7 là:

- A. 987 B. 789 C. 798 D. 799

Câu 6: Tích của số lớn nhất có một chữ số với 35 là

- A. 341 B. 314 C. 315 D. 351

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Tìm x biết:

$$a, x \div 7 = 25$$

$$b, x \times 6 = 54$$

Câu 2: Một tá bút chì có 12 chiếc. Hỏi 3 tá bút chì có bao nhiêu chiếc?

Câu 3: An năm nay 6 tuổi. Tuổi mẹ hiện nay gấp 5 lần tuổi An. Hỏi tổng số tuổi của hai mẹ con hiện nay là bao nhiêu?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 5. ĐỀ 3

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: So sánh: 384 ... 12×9

- A. > B. <
C. = D. Không thể so sánh

Câu 2: Tính: $56 \times 3 = ?$

- A. 158 B. 168 C. 178 D. 188

Câu 3: Một hộp có 12 bút chì màu. Hỏi 4 hộp như thế có bao nhiêu bút chì màu?

- A. 16 bút chì màu B. 24 bút chì màu C. 44 bút chì màu D. 48 bút chì màu

Câu 4: Tìm x biết: $x \div 6 = 8$ $x = ?$

- A. 68 B. 48 C. 58 D. 86

Câu 5: Tìm x biết: $x - 234 = 12$ $x = ?$

A. 246

B. 264

C. 462

D. 426

Câu 6: Một đoạn dây dài 48m. Được cắt thành 6 đoạn bằng nhau. Hỏi mỗi đoạn dài bao nhiêu mét?

A. 3 m

B. 5m

C. 6 m

D. 8 m

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a, $\overline{2 \dots} \times 3 = 60$

b, $5 \times \dots = 15$

c, $\dots 4 \times 6 = 24$

d, $30 \times 5 = \overline{1 \dots 0}$

Câu 2: Tính nhanh:

a, $26 \times 2 + 26 \times 4$

b, $11 \times 4 + 14 \times 4$

Câu 3: Tìm một số có hai chữ số biết rằng:

Nếu đem số này cộng với số lớn nhất có 2 chữ số được kết quả là 121.

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 6. ĐỀ 1

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Số dư của phép chia $20 \div 3$ là

A. 0

B. 1

C. 2

D. 3

Câu 2: Tìm x biết: $x \div 6 = 82$ $x = ?$

- A. 492 B. 429 C. 482 D. 428

Câu 3: Một túi táo có 3 quả. Hỏi 18 quả táo sẽ chia được thành mấy túi?

- A. 3 túi B. 4 túi C. 5 túi D. 6 túi

Câu 4: Tính: $\frac{1}{5}$ của 25 bằng:

- A. 1 B. 2 C. 5 D. 7

Câu 5: So sánh: $\frac{1}{2}$ của 8kg ... 4kg

- A. > B. <
C. = D. Không thể so sánh

Câu 6: An có 25 con tem. Tú có số tem gấp 5 lần số tem của An. Hỏi Tú có bao nhiêu con tem?

- A. 75 con tem B. 30 con tem C. 60 con tem
D. 70 con tem

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Tìm x biết:

a, $x \div 6 = 74$ b, $x + 253 = 639$ c, $x - 29 = 56 \times 3$

Câu 2: Mẹ có 30 quả táo. Mẹ cho Hà $\frac{1}{3}$ số táo mẹ có. Hỏi mẹ cho Hà bao nhiêu quả táo?

Câu 3: Một thùng có 5 tạ thóc. Hỏi 23 tạ thóc chia được vào nhiều nhất bao nhiêu thùng và còn dư mấy tạ thóc?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 6. ĐỀ 2

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Tính $\frac{1}{7}$ của 49 là:

- A. 4 B. 9 C. 7 D. 8

Câu 2: Tìm x biết: $x \div 3 = 29$ $x = ?$

- A. $x = 87$ B. $x = 67$ C. $x = 77$ D. $x = 97$

Câu 3: Tính: $234 + 58 = ?$

- A. 228 B. 229 C. 282 D. 292

Câu 4: Số dư của phép chia $96 \div 3$ là:

- A. 0 B. 1 C. 2 D. 4

Câu 5: So sánh: $\frac{1}{2}$ của 8 lít 7 lít

- A. > B. <
C. = D. Không thể so sánh

Câu 6: Hoà có 24 quả cam và một số quả lê bằng $\frac{1}{8}$ số quả cam. Hỏi Hoà có bao nhiêu quả lê?

- A. 1 quả lê B. 2 quả lê C. 3 quả lê
D. 4 quả lê

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Đặt tính và tính:

- a, $26 \div 3$ b, 20×4 c, $286 + 12$ d, $734 - 14$

Câu 2: Tìm số có 2 chữ số biết $\frac{1}{9}$ của số này là 11.

Câu 3: Ba bạn An, Hoà, Lạc sưu tầm tem. An sưu tầm được 9 con tem, Hoà sưu tầm được 12 con tem. Lạc sưu tầm được $\frac{1}{3}$ tổng số tem của 2 bạn An và Hoà. Hỏi Lạc sưu tầm được bao nhiêu con tem?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 6. ĐỀ 3

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Tính $\frac{1}{2}$ của số chẵn lớn nhất có 2 chữ số.

A. 98

B. 49

C. 48

D. 99

Câu 2: Một quyển truyện có 36 trang. My đã đọc được $\frac{1}{4}$ số trang. Hỏi My đã đọc được bao nhiêu trang?

A. 6 trang

B. 7 trang

C. 8 trang

D. 9 trang

Câu 3: Tìm x biết: $x \div 5 = 23$ $x = ?$

A. $x = 115$

B. $x = 105$

C. $x = 151$

D. $x = 110$

Câu 4: Số dư của phép chia $34 \div 7$ là?

A. 5

B. 4

C. 6

D. 4

Câu 5: May 6 bộ quần áo hết 18m vải. Hỏi may mỗi bộ quần áo hết bao nhiêu mét vải?

A. 3m

B. 2m

C. 4m

D. 5m

Câu 6: Trong các phép chia có dư với số chia là 3, số dư lớn nhất của các phép chia đó là:

A. 3

B. 2

C. 1

D. 0

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Tính nhanh:

a, $27 \times 3 + 33 \times 3$

b, $56 \times 4 + 56 \times 1$

c, $284 + 128 - 84$

d, $49 \div 7 + 21 \div 7$

Câu 2: Một lớp học có 27 học sinh, trong đó $\frac{1}{3}$ số học sinh là học sinh giỏi. Hỏi lớp đó có bao nhiêu học sinh giỏi?

Câu 3: Một hộp socola có 5 thanh. Hỏi 36 thanh thì xếp được nhiều nhất bao nhiêu hộp và dư bao nhiêu thanh?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 7. ĐỀ 1

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Một gara ô tô có 20 chiếc. Buổi sáng $\frac{1}{2}$ số xe ra khỏi gara. Hỏi buổi sáng có bao nhiêu ô tô ra khỏi gara?

A. 4

B. 5

C. 8

D. 10

Câu 2: Tính: $28 \times 7 = ?$

A. 196

B. 169

C. 146

D. 164

Câu 3: Tìm x: $x \div 7 = 9$ $x = ?$

A. $x = 36$

B. $x = 63$

C. $x = 17$

D. $x = 71$

Câu 4: Số lớn nhất có 3 chữ số khác nhau là:

- A. 989 B. 999 C. 987 D. 978

Câu 5: Tổng của 234 và 56 bằng bao nhiêu?

- A. 290 B. 280 C. 208 D. 209

Câu 6: Số dư của phép chia $73 \div 7$ là?

- A. 6 B. 5 C. 4 D. 3

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Tính:

- a, $7 \times 5 + 15$ b, $6 \times 5 + 31$
c, $22 + 7 \times 4$ d, $7 \times 9 + 17$

Câu 2: Một xe máy có 2 bánh. Hỏi 50 chiếc xe máy có bao nhiêu bánh?

Câu 3: Lan có 18 con tem. Lan có số tem gấp 3 lần của Thắng. Hỏi cả 2 bạn có bao nhiêu con tem?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 7. ĐỀ 2

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Số liền trước số 784 là:

- A. 783 B. 782 C. 785 D. 786

Câu 2: Số dư lớn nhất trong một phép chia có dư cho 7 là:

- A. 7 B. 6 C. 5 D. 4

Câu 3: Bà có 24 quả cam. Bà cho An $\frac{1}{3}$ số quả cam. Hỏi An có bao nhiêu quả cam?

- A. 7 quả cam B. 6 quả cam C. 24 quả cam
D. 8 quả cam

Câu 4: Tính: $56 \times 3 = ?$

- A. 168 B. 186 C. 156 D. 165

Câu 5: Tìm x biết: $56 \div x = 7$

- A. $x = 8$ B. $x = 7$ C. $x = 6$ D. $x = 9$

Câu 6: Tính: $245 + 56 = ?$

- A. 291 B. 256 C. 301 D. 265

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

- a, $20 \div 7$ b, $56 + 320$ c, $128 - 12$ d, 56×3

Câu 2: Năm nay em 6 tuổi. Tuổi chị gấp 2 lần tuổi em. Hỏi chị năm nay bao nhiêu tuổi?

Câu 3: Có 2 thùng dầu. Thùng thứ nhất có 26 lít dầu, thùng thứ hai có số dầu gấp 3 lần thùng thứ nhất. Hỏi cả 2 thùng có tổng bao nhiêu lít dầu?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 7. ĐỀ 3

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Từ 3 số: 7, 5, 2. Số chẵn lớn nhất được tạo thành có 3 chữ số là:

- A. 257 B. 752 C. 725 D. 572

Câu 2: Một lọ có 7 bông hoa. Hỏi 5 lọ như thế có bao nhiêu bông hoa?

- A. 12 bông hoa B. 21 bông hoa C. 35 bông hoa
D. 57 bông hoa

Câu 3: Một tuần lễ có 7 ngày. Hỏi 4 tuần lễ có bao nhiêu ngày?

- A. 28 ngày B. 82 ngày C. 74 ngày D. 12 ngày

Câu 4: Số dư của phép chia $38 \div 3$ bằng bao nhiêu?

A. 0

B. 1

C. 2

D. 3

Câu 5: Điền số tiếp theo vào dãy số: 7, 14, 21,

A. 22

B. 24

C. 26

D. 28

Câu 6: Gấp 6 lần của 8 bằng bao nhiêu?

A. 14

B. 48

C. 41

D. 68

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Tìm x biết:

a, $(x + 22) \times 3 = 69$

b, $(x - 12) \div 7 = 5$

Câu 2: Mẹ có 42 quả bưởi. Sau khi bán, số bưởi giảm đi 6 lần. Hỏi mẹ còn lại bao nhiêu quả bưởi?

Câu 3: Một cửa hàng ngày thứ nhất bán được 48kg đường, ngày thứ hai bán nhiều gấp đôi ngày thứ nhất. Hỏi ngày thứ hai bán được bao nhiêu kg đường?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 8. ĐỀ 1

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Điền số tiếp theo vào dãy số: 8, 15, 22,

A. 29

B. 23

C. 27

D. 28

Câu 2: Có 56 học sinh chia làm 7 hàng. Hỏi mỗi hàng có bao nhiêu học sinh?

A. 5

B. 6

C. 7

D. 8

Câu 3: Tính: $\frac{1}{5}$ của 30 lít là:

A. 5 lít

B. 5

C. 6 lít

D. 6

Câu 4: Số chẵn liền sau số 783 là:

- A. 782 B. 781 C. 784 D. 786

Câu 5: Phép chia $55 \div 3$ có số dư là:

- A. 0 B. 1 C. 2 D. 3

Câu 6: Gấp 8 lần của 12 bằng bao nhiêu?

- A. 96 B. 69 C. 86 D. 68

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

- a, 35×6 b, $78 \div 3$ c, 29×7 d, $44 \div 6$

Câu 2: Một buổi tập múa có 6 bạn nam. Số bạn nữ gấp 3 lần số bạn nam. Hỏi buổi tập múa có tổng cộng bao nhiêu người?

Câu 3: Có 2 thùng dầu. Thùng thứ nhất có 46 lít dầu, thùng thứ hai nếu thêm 16 lít dầu thì số dầu gấp đôi số dầu thùng thứ nhất. Hỏi thùng thứ 2 có bao nhiêu lít dầu?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 8. ĐỀ 2

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: 28 gấp 7 lần số nào?

- A. 7 B. 3 C. 4 D. 2

Câu 2: Tính: $56 \times 3 = ?$

- A. 168 B. 158 C. 148 D. 184

Câu 3: Tìm x: $x \div 7 = 54$ $x = ?$

- A. $x = 358$ B. $x = 378$ C. $x = 387$ D. $x = 385$

Câu 4: Gấp 6 lần của 4kg là:

A. 10

B. 10kg

C. 24

D. 24kg

Câu 5: Một hộp kẹo có 40 chiếc. Hỏi $\frac{1}{8}$ hộp kẹo có bao nhiêu chiếc?

A. 3 chiếc kẹo

B. 4 chiếc kẹo

C. 5 chiếc kẹo

D. 6 chiếc kẹo

Câu 6: Điền số tiếp theo vào dãy: 9, 16, 23,

A. 30

B. 28

C. 24

D. 27

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Tính:

a, $9 \times 7 + 56$

b, $28 \times 3 - 15$

Câu 2: Huệ cắt được 5 bông hoa. Lan cắt được gấp 3 lần số hoa của Huệ. Hỏi Lan cắt được bao nhiêu bông hoa?

Câu 3: Một cửa hàng ngày thứ nhất bán được 24 chiếc xe đạp. Ngày thứ hai bán gấp 3 lần ngày thứ nhất. Hỏi cửa hàng ngày thứ hai bán được nhiều hơn ngày thứ nhất bao nhiêu chiếc xe đạp?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 8. ĐỀ 3

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Có 35 lít dầu chia đều vào 7 can. Hỏi mỗi can có bao nhiêu lít dầu?

A. 2 lít

B. 3 lít

C. 4 lít

D. 5 lít

Câu 2: Một túi đựng được 8 chiếc kẹo. Hỏi 25 chiếc kẹo đựng tối đa được vào mấy túi?

A. 1 túi

B. 2 túi

C. 3 túi

D. 4 túi

Câu 3: Một túi đựng được 8 chiếc kẹo. Hỏi 25 chiếc kẹo sau khi đựng vào các túi thì dư mấy cái?

A. 1 cái kẹo

B. 2 cái kẹo

C. 3 cái kẹo

D. 4 cái kẹo

Câu 4: Tính: $56 \times 7 = ?$

A. 329

B. 392

C. 293

D. 567

Câu 5: So sánh: $\frac{1}{3}$ của 12kg 4kg

A. >

B. <

C. =

D. Không thể so sánh

Câu 6: Tìm x: $x - 56 = 372$ $x = ?$

A. 328

B. 382

C. 428

D. 482

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Tính nhẩm:

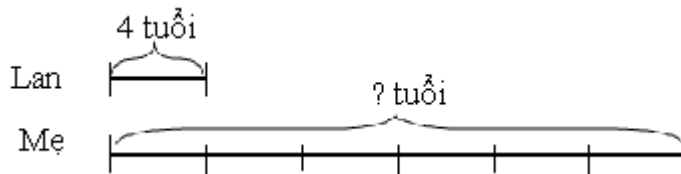
a, $24 \div 6$

b, $28 \div 7$

c, $42 \div 6$

d, $21 \div 3$

Câu 2: Giải bài toán theo sơ đồ



Câu 3: Có 2 thùng nước mắm. Thùng thứ nhất có 36 chai, nếu bớt ra ở thùng thứ hai 6 chai thì số còn lại gấp thùng thứ nhất 2 lần. Hỏi thùng thứ hai có bao nhiêu chai nước mắm?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 9. ĐỀ 1

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Tính: $(30 + 7) \times 5 = ?$

- A. 185 B. 158 C. 65 D. 375

Câu 2: Một công việc làm bằng tay hết 30 giờ. Nếu cùng công việc đó làm bằng máy giảm đi 5 lần. Hỏi làm bằng máy hết bao nhiêu thời gian?

- A. 5 giờ B. 6 giờ C. 7 giờ D. 8 giờ

Câu 3: Điền số thích hợp vào dãy số: 12,, 24, 30

- A. 13 B. 15 C. 16 D. 18

Câu 4: Gấp 5 lần của 7kg là bao nhiêu?

- A. 35g B. 350g C. 3500g D. 35kg

Câu 5: An năm nay 15 tuổi. Em của An có số tuổi bằng $\frac{1}{3}$ số tuổi An. Hỏi em của An năm nay bao nhiêu tuổi?

- A. 3 tuổi B. 4 tuổi C. 5 tuổi D. 6 tuổi

Câu 6: An năm nay 15 tuổi. Em của An có số tuổi bằng $\frac{1}{3}$ số tuổi An. Hỏi sau 3 năm nữa An hơn em bao nhiêu tuổi?

- A. 10 tuổi B. 9 tuổi C. 8 tuổi D. 7 tuổi

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Vẽ hình tứ giác có 2 góc vuông.

Câu 2: Kim giờ chỉ vào số 3, kim phút tạo với kim giờ một góc vuông. Hỏi bây giờ có thể là mấy giờ?

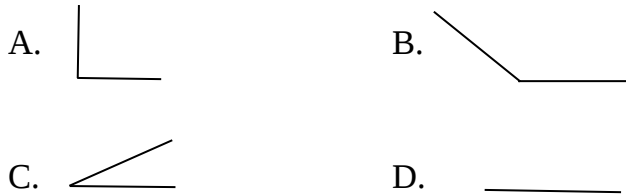
Câu 3: An có 16 viên bi. Nếu Bình bớt đi 3 viên bi thì số bi của An gấp 2 lần số bi còn lại của Bình. Hỏi Bình có bao nhiêu viên bi?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 9. ĐỀ 2

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Góc nào dưới đây là góc vuông?



Câu 2: Số dư của phép chia $95 \div 3$ là:

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

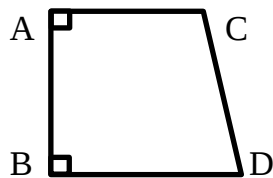
Câu 3: Tổng của 2 số lẻ nhỏ nhất có 2 chữ số và số lẻ nhỏ nhất có 3 chữ số là:

- A. 122 B. 102 C. 112 D. 132

Câu 4: Ngày thứ nhất bán được 20kg gạo. Ngày thứ hai bán giảm so với ngày thứ nhất 4 lần. Hỏi ngày thứ hai bán được bao nhiêu kg gạo?

- A. 7kg gạo B. 8kg gạo C. 4kg gạo D. 5kg gạo

Câu 5: Cho hình vẽ:



Hỏi hình bên có bao nhiêu góc vuông?

- A. 1 B. 2
C. 3 D. 4

Câu 6: Hình ABCD (hình trên) là hình gì? Chọn câu chính xác nhất:

- A. Hình vuông B. Hình chữ nhật C. Hình thang D. Hình thoi

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

- a, $86 \div 7$ b, 25×3 c, $283 + 12$ d, $952 - 42$

Câu 2: Cửa hàng có 56 lít dầu. Sau khi bán, cửa hàng còn lại $\frac{1}{4}$ số dầu. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu lít dầu?

Câu 3: Một cửa hàng trong 2 ngày bán được 120kg gạo. Nếu ngày thứ nhất bán thêm 5kg gạo thì ngày thứ nhất bán được $\frac{1}{5}$ cả 2 ngày. Hỏi ngày thứ nhất bán được bao nhiêu kg gạo?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 9. ĐỀ 3

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Trong một phép chia nếu giữ nguyên số bị chia và giảm số chia 3 lần thì thương thay đổi như thế nào?

- A. Giảm 3 lần B. Tăng 3 lần C. Giảm 2 lần D. Tăng 2 lần

Câu 2: Trong một phép chia, nếu giữ nguyên số chia và giảm số bị chia đi 2 lần thì thương thay đổi như thế nào?

- A. Giảm 2 lần B. Tăng 2 lần C. Giảm 3 lần D. Tăng 3 lần

Câu 3: Tìm x biết: $252 \div x = 7$ $x = ?$

- A. $x = 34$ B. $x = 35$ C. $x = 36$ D. $x = 37$

Câu 4: Trong phép chia hết, 7 chia cho số nào để được thương lớn nhất?

- A. 1 B. 2 C. 5 D. 7

Câu 5: Trong phép chia hết, 7 chia cho số nào để được thương nhỏ nhất?

A. 1

B. 6

C. 5

D. 7

Câu 6: Đoạn thẳng AB dài 8cm. Đoạn thẳng MN có độ dài gấp 5 lần đoạn thẳng AB. Hỏi đoạn thẳng MN dài bao nhiêu cm?

A. 8cm

B. 16cm

C. 20cm

D. 40cm

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Tìm x biết:

a, $(x - 32) \div 7 = 64$

b, $24 \div (x - 12) = 4$

Câu 2: Nhà Tú có 12 con gà và một số con vịt. Biết số vịt bằng $\frac{1}{3}$ số gà. Hỏi nhà Tú có bao nhiêu con vịt?

Câu 3: Bình có 18 quả táo. Nếu Bình có thêm 2 quả táo thì số táo của Bình gấp 2 lần số táo của An. Hỏi 2 bạn có tất cả bao nhiêu quả táo?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 10. ĐỀ 1

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: So sánh: $23 + 23 + 23 \dots 24 \times 3$

A. >

B. <

C. =

D. Không thể so sánh

Câu 2: Tấm vải đỏ dài 12m, tấm vải xanh dài gấp 6 lần tấm vải đỏ. Hỏi tấm vải xanh dài hơn tấm vải đỏ bao nhiêu mét?

A. 18m

B. 72m

C. 60m

D. 84m

Câu 3: Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $5m6cm = \dots\dots\dots cm$

A. 506

B. 560

C. 56

D. 65

Câu 4: Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $13\text{hm} - 6\text{hm} = \dots\dots\dots \text{m}$

A. 7

B. 700

C. 7000

D. 70

Câu 5: Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $4\text{dam} = \dots\dots\dots \text{m}$

A. 400

B. 4

C. 4000

D. 40

Câu 6: Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $50\text{mm} = \dots\dots\dots \text{cm}$

A. 5000

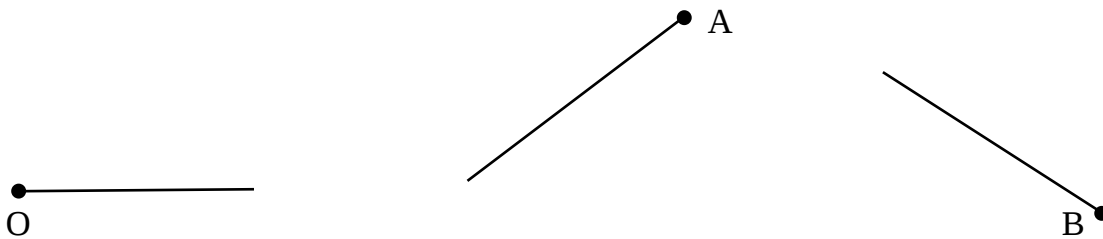
B. 5

C. 500

D. 50

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Dùng eke vẽ góc vuông biết đỉnh và một cạnh cho trước:



Câu 2: Một chiếc bút chì dài 10cm. Cục tẩy dài bằng $\frac{1}{5}$ chiếc bút chì. Hỏi cục tẩy dài bao nhiêu cm?

Câu 3: Có 2 sợi dây. Sợi dây thứ nhất dài 2dm, sợi dây thứ 2 dài 4cm. Hỏi 2 sợi dây dài bao nhiêu cm?

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Biết 2 cái kẹo giá 5xu. Hỏi 8 cái kẹo có giá bao nhiêu xu?

- A. 15 B. 10 C. 5 D. 20

Câu 2: So sánh: 2×5 ... $2 + 5$

- A. > B. <
C. = D. Không thể so sánh

Câu 3: Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $4\text{km}4\text{m} = \dots\dots\dots \text{m}$

- A. 44 B. 404 C. 4004 D. 4400

Câu 4: Trong các đoạn thẳng sau, đoạn nào dài nhất:

$AB = 30\text{dm}$, $CD = 4\text{m}$, $EF = 230\text{cm}$, $MN = 2\text{dam}$

- A. Đoạn AB B. Đoạn CD C. Đoạn MN D. Đoạn EF

Câu 5: Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $24\text{m} \times 5 = \dots\dots\dots$

- A. 12dam B. 12dm C. 12m D. 12hm

Câu 6: Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $300\text{m} = \dots\dots\dots \text{dam}$

- A. 300 B. 30 C. 3 D. 3000

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: So sánh:

- a, $2\text{dm}2\text{cm} \dots\dots 220\text{mm}$ b, $20\text{dm}2\text{cm} \dots\dots 202\text{cm}$
c, $43\text{km} \dots\dots 430000\text{m}$ d, $56\text{dm} + 20\text{cm} \dots\dots 86\text{cm}$

Câu 2: Một khúc gỗ dài 20m. Bố An cưa khúc gỗ này thành các khúc nhỏ dài 5dm. Hỏi bố An cưa được bao nhiêu khúc gỗ?

Câu 3: Sợi dây thứ nhất dài 12m, sợi dây thứ hai dài bằng $\frac{1}{3}$ sợi dây thứ nhất. Hỏi sợi dây thứ hai dài bao nhiêu cm?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 10. ĐỀ 3
MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Tính: $46 \times 3 = ?$

- A. 138 B. 128 C. 108 D. 148

Câu 2: Một nửa của một số là 15. Số đó là số nào?

- A. 15 B. 30 C. 40 D. 50

Câu 3: So sánh: 10km 9989m

- A. > B. <
C. = D. Không thể so sánh

Câu 4: Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 25dam + 35dam = hm

- A. 6000 B. 60 C. 6 D. 600

Câu 5: Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 25dam + 35dam = m

- A. 60 B. 6 C. 6000 D. 600

Câu 6: Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 1hm = dam

- A. 100 B. 1000 C. 10 D. 1

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Tính:

a, $8\text{dam} + 5\text{dam}$ b, $403\text{cm} - 4\text{m}$ c, $12\text{km} \times 4$ d, $27\text{mm} \div 3$

Câu 2: Chiều cao của 4 bạn Hương, Nam, Hằng, Tú như sau:

Hương	1m32cm
Nam	1m15cm
Hằng	1m20cm
Tú	1m42cm

Hỏi bạn nào là bạn cao nhất?

Bạn nào là bạn thấp nhất?

Câu 3: Sợi dây thứ nhất dài 90mm. Sợi dây thứ hai dài bằng $\frac{1}{3}$ sợi dây thứ nhất. Hỏi tổng 2 sợi dây dài bao nhiêu mm?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 11. ĐỀ 1

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Tính: $5 \times 7 = ?$

A. 31

B. 32

C. 57

D. 35

Câu 2: Tính: $\frac{1}{4}$ của 24cm là:

A. 8cm

B. 7cm

C. 6cm

D. 5cm

Câu 3: Gấp 9 lần của 4 là:

A. 32

B. 94

C. 36

D. 49

Câu 4: Trong phép chia có dư, số chia là 4 thì số dư lớn nhất là:

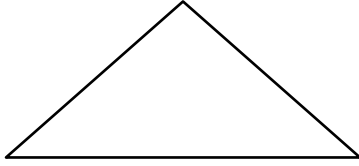
A. 2

B. 1

C. 3

D. 5

Câu 5: Cho hình vẽ:



Hình bên có bao nhiêu hình tam giác?

A. 3

B. 2

C. 4

D. 1

Câu 6: Con năm nay 5 tuổi. Tuổi của mẹ gấp 6 lần tuổi của con. Hỏi mẹ bao nhiêu tuổi?

A. 11 tuổi

B. 30 tuổi

C. 56 tuổi

D. 28 tuổi

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

a, $392 + 55$

b, $427 - 88$

c, 26×6

d, $86 \div 2$

Câu 2: Tìm x biết:

a, $x \div 7 = 17$

b, $56 \div x = 4$

Câu 3: Trong vườn có 35 cây ăn quả. $\frac{1}{5}$ số cây đó là cây cam. Hỏi trong vườn có bao nhiêu cây không phải cây cam?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 11. ĐỀ 2

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Tính $\frac{1}{7}$ của 49kg là bao nhiêu?

A. 7kg

B. 6kg

C. 5kg

D. 8kg

Câu 2: Tính: $\frac{1}{6}$ của 12 phút là bao nhiêu phút?

- A. 1 phút B. 2 phút C. 3 phút D. 6 phút

Câu 3: Điền số thích hợp vào dấu chấm: 8hm = dm

- A. 8 B. 80 C. 800 D. 8000

Câu 4: Điền số thích hợp vào dãy số sau: 14, 19,, 29, 34

- A. 16 B. 20 C. 24 D. 28

Câu 5: Một tuần lễ có 7 ngày. Hỏi 6 tuần lễ có bao nhiêu ngày?

- A. 24 ngày B. 42 ngày C. 13 ngày D. 31 ngày

Câu 6: Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm: 6m7dm 670dm

- A. > B. <
C. = D. Không thể so sánh

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Tính:

a, $4 \times 8 + 26$ b, $6 \times 6 - 25$

Câu 2: Đặt tính rồi tính:

a, 29×7 b, $46 \div 5$ c, $284 - 14$ d, $783 + 25$

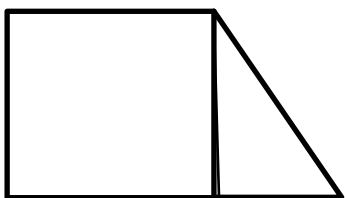
Câu 3: Lớp 3A trồng được 27 cây. Lớp 3B trồng được số cây gấp 4 lần số cây lớp 3A. Hỏi cả 2 lớp trồng được bao nhiêu cây?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 11. ĐỀ 3

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Cho hình vẽ:



Hỏi hình bên có bao nhiêu góc vuông?

- A. 4 B. 5
C. 6 D. 3

Câu 2: Hình vẽ trên (Câu 1) có bao nhiêu hình tam giác?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 3: Tính: $56 \div 7 = ?$

- A. 6 B. 7 C. 8 D. 9

Câu 4: Số dư của phép chia $35 \div 3$ là:

- A. 3 B. 2 C. 1 D. 0

Câu 5: Đồng hồ có kim giờ chỉ vào số 1, kim phút chỉ vào số 6. Hỏi khi đó là mấy giờ?

- A. 1 giờ 30 phút B. 1 giờ 6 phút C. 6 giờ 1 phút D. 6 giờ 5 phút

Câu 6: Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $6\text{dm } 4\text{mm} = \dots\dots\dots \text{mm}$

- A. 64 B. 60 C. 604 D. 640

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Tìm x biết:

a, $(x - 23) \times 7 = 49$

b, $25 \div (x - 56) = 5$

Câu 2: Cô giáo có 56 quyển vở chia đều cho 7 bạn. Hỏi mỗi bạn nhận được bao nhiêu quyển vở? (Biết số vở các bạn nhận được bằng nhau)

Câu 3: An có 5 chiếc kẹo. Nếu Bình có thêm 6 chiếc kẹo thì số kẹo của Bình sẽ gấp 3 lần số kẹo của An. Hỏi Bình có bao nhiêu chiếc kẹo?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 12. ĐỀ 1

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Tính: $3 \times 300 = ?$

- A. 330 B. 900 C. 3300 D. 9000

Câu 2: Trong kho có 5 thùng dầu. Mỗi thùng có 125 lít dầu. Hỏi trong kho có bao nhiêu lít dầu?

- A. 625 B. 750 C. 650 D. 675

Câu 3: Tính: $8 + 8 + 8 + 8 = 8 \times 4 = ?$

- A. 35 B. 84 C. 32 D. 36

Câu 4: Điền số thích hợp vào dãy số: 8, 16, 24,

- A. 25 B. 32 C. 34 D. 26

Câu 5: Có 8 bạn nữ. Mỗi bạn cầm 7 bông hoa. Hỏi có tất cả bao nhiêu bông hoa?

- A. 17 B. 65 C. 18 D. 56

Câu 6: Tính: $8 \times 0 = ?$

- A. 8 B. 80 C. 0 D. 1

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Tính:

- a, $8 \times 3 + 8$ b, $8 \times 7 - 26$ c, $8 \times 9 + 30$ d, $8 \times 5 - 10$

Câu 2: Bác An có 24 con gà và con vịt. Trong đó số gà bằng $\frac{1}{4}$ tổng số con. Hỏi bác An có bao nhiêu con gà, bao nhiêu con vịt?

Câu 3: Một chuyến tàu chở được 23 hành khách. Hỏi 5 chuyến tàu như thế chở được bao nhiêu hành khách?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 12. ĐỀ 2

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Tính: $24 \times 4 = ?$

A. 24

B. 96

C. 86

D. 42

Câu 2: Điền số thích hợp vào chỗ trống:

2	2	4
5	4	20
6		30

A. 5

B. 7

C. 6

D. 8

Câu 3: Một tủ sách có 4 ngăn, mỗi ngăn có 12 quyển sách. Cô quản thư cho mượn 23 quyển sách. Hỏi tủ sách còn lại bao nhiêu quyển sách?

A. 23

B. 42

C. 25

D. 15

Câu 4: Phép tính nào sau đây đúng?

A. $8 \times 6 + 1 = 8 \times 7$

B. $8 \times 6 + 7 = 8 \times 7$

C. $8 \times 6 + 8 = 8 \times 7$

D. $8 \times 6 + 6 = 8 \times 7$

Câu 5: Tìm x: $(x - 8) \div 3 = 10$ $x = ?$

A. $x = 32$

B. $x = 18$

C. $x = 24$

D. $x = 38$

Câu 6: Điền số thích hợp vào dãy số: 9, 17, 25,

A. 33

B. 32

C. 26

D. 38

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

a, 21×8

b, 22×4

c, $572 + 128$

d, $240 - 90$

Câu 2: An năm nay 8 tuổi. Chị của An có số tuổi gấp đôi số tuổi An. Hỏi 2 chị em có tổng số tuổi là bao nhiêu?

Câu 3: Có 3 bao thóc, mỗi bao chứa 31kg thóc. Người ta bán đi 48kg. Hỏi còn lại bao nhiêu kg thóc?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 12. ĐỀ 3

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Tính: $21 \times 3 = ?$

- A. 23 B. 61 C. 26 D. 63

Câu 2: Tìm x: $x \div 4 = 16$

- A. x = 45 B. x = 54 C. x = 64 D. x = 42

Câu 3: Một tập giấy có giá 99 xu, một cây bút có giá 15 xu. Hỏi mua 2 tập giấy và một cây bút hết bao nhiêu tiền?

- A. 213 xu B. 208 xu C. 198 xu D. 203 xu

Câu 4: Tính: $8 \times 9 = ?$

- A. 89 B. 72 C. 64 D. 98

Câu 5: Tính: $25 \times 3 + 50 \times 3 = ?$

- A. 215 B. 75 C. 225 D. 150

Câu 6: Mỗi quyển vở có 12 trang. Hỏi 8 quyển vở có bao nhiêu trang?

- A. 96 trang B. 128 trang C. 86 trang D. 106 trang

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Tìm x biết:

- a, $(x + 15) \div 8 = 7$ b, $(x - 23) \div 8 = 12$
c, $24 = (x + 5) \div 5$ d, $(x - 8) \div 7 = 11$

Câu 2: Một khu dân cư có 21 hộ gia đình. Trong đó $\frac{1}{3}$ số hộ là hộ nghèo. Hỏi có bao nhiêu hộ không phải hộ nghèo?

Câu 3: Cửa hàng có 120kg gạo. Cửa hàng mua thêm 3 bao gạo, biết mỗi bao nặng 50kg. Hỏi cửa hàng có tất cả bao nhiêu kg gạo?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 13. ĐỀ 1

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Số 50 lớn hơn số 5 bao nhiêu lần?

- A. 10 B. 5 C. 20 D. 15

Câu 2: Cho: $25m \times 4 = \dots\dots\dots m = \dots\dots\dots dam = \dots\dots\dots hm$

Các số thích hợp để điền vào dấu ... lần lượt là

- A. 10; 100; 1 B. 100; 10; 1
C. 10; 1; 100 D. 1; 10; 100

Câu 3: Trong phép chia có dư cho 8, số dư lớn nhất có thể là:

- A. 5 B. 6 C. 7 D. 8

Câu 4: Một tấm vải dài 40m, được cắt thành các tấm nhỏ dài 8m. Hỏi cắt được bao nhiêu tấm vải nhỏ?

- A. 5 tấm B. 7 tấm C. 6 tấm D. 4 tấm

Câu 5: Tính: $60 \div 8 = ?$

- A. 6 dư 9 B. 6 dư 2 C. 7 dư 5 D. 7 dư 4

Câu 6: Một số giảm đi 4 đơn vị thì bằng $\frac{1}{3}$ của 15. Số đó là:

- A. 16 B. 22 C. 19 D. 9

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

- a, $25 \div 8$ b, 17×8 c, $234 + 12$ d, $750 - 35$

Câu 2: Vườn nhà bác Tư có 54 cây cam, 9 cây ôi. Hỏi số cây cam gấp bao nhiêu lần số cây ôi?

Câu 3: Ngăn trên có 6 quyển vở. Ngăn dưới có 24 quyển vở. Hỏi số vở ở ngăn trên bằng một phần mấy số vở ở cả hai ngăn?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 13. ĐỀ 2

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Số 10 bé gấp bao nhiêu lần số 30?

- A. 20 B. 10 C. 6 D. 3

Câu 2: Trang trại nhà bác Tùng có 16 con lợn và 2 con gà. Hỏi số con lợn gấp mấy lần số con gà?

- A. 4 B. 14 C. 7 D. 8

Câu 3: Điền số thích hợp vào dấu chấm: $13\text{dam} + 7\text{dam} = \dots\dots\dots \text{dam} = \dots\dots\dots \text{hm}$

- A. 20; 2 B. 20; 200 C. 20; 20 D. 2; 2

Câu 4: Trong túi có 72 quả táo, lấy ra $\frac{1}{8}$ số quả táo. Hỏi lấy ra bao nhiêu quả táo?

- A. 63 quả táo B. 64 quả táo C. 8 quả táo D. 9 quả táo

Câu 5: Trong túi có 20 quả táo, có 4 quả táo bị hỏng. Hỏi số quả táo bị hỏng bằng một phần mấy số táo không bị hỏng?

- A. $\frac{1}{5}$ B. $\frac{1}{8}$ C. $\frac{1}{4}$ D. $\frac{1}{6}$

Câu 6: Có 20 quả cam và 10 quả xoài. Hỏi số xoài bằng một phần mấy số cam?

- A. $\frac{1}{6}$ B. $\frac{1}{2}$ C. $\frac{1}{10}$ D. $\frac{1}{20}$

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Tìm x biết:

a, $(x - 24) \times 8 = 72$

b, $(x + 36) \div 8 = 15$

Câu 2: Từ nhà Nam đến trường dài 24km. Biết Nam đã đi được 8km. Hỏi số quãng đường mà Nam chưa đi gấp bao nhiêu lần số quãng đường Nam đã đi?

Câu 3: Thùng dầu nhỏ có 8 lít dầu, thùng dầu lớn hơn thùng dầu nhỏ 16 lít. Hỏi số dầu ở thùng nhỏ bằng một phần mấy số dầu ở thùng lớn?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 13. ĐỀ 3

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Có 12 quả chuối và 4 quả dâu. Hỏi số quả chuối gấp mấy lần số quả dâu?

- A. 4 B. 3 C. 8 D. 5

Câu 2: Số 15 lớn gấp mấy lần số 3:

- A. 3 B. 6 C. 12 D. 5

Câu 3: Tính: $25 \div 8 = ?$

- A. 3 dư 2 B. 3 dư 7 C. 3 dư 1 D. 3 dư 4

Câu 4: Tìm x: $48 \div x = 6$

- A. $x = 42$ B. $x = 7$ C. $x = 6$ D. $x = 8$

Câu 5: Số 4 bằng một phần mấy số 24?

- A. $\frac{1}{4}$ B. $\frac{1}{6}$ C. $\frac{1}{24}$ D. $\frac{1}{8}$

Câu 6: Có 4 quả táo và 32 cam. Hỏi số táo bằng một phần mấy số cam?

- A. $\frac{1}{8}$ B. $\frac{1}{4}$ C. $\frac{1}{32}$ D. $\frac{1}{28}$

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Tính:

- a, $8 + 8 + 8 + 8 - 8 \times 3$ b, $56 \div 8 - 3$
c, $8 + 8 \times 5 - 6 \times 8$ d, $12 \times 8 - 41$

Câu 2: An có 24 viên kẹo, Việt có 18 viên kẹo, Lan có 7 viên kẹo. Hỏi số kẹo của An và Việt gấp mấy lần số kẹo của Lan?

Câu 3: Có 7 con gà, số con vịt lớn hơn số gà là 28 con. Hỏi số gà bằng một phần mấy số con vịt?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 14. ĐỀ 1

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Biết $9 \times 8 = 72$. Tính nhẩm: $90 \times \dots = 720$

- A. 18 B. 8 C. 80 D. 88

Câu 2: Tính: $9 \times 6 - 9 \times 3 = ?$

- A. 27 B. 26 C. 37 D. 18

Câu 3: Hoa có 5 bông hoa, Huệ có số hoa gấp 9 lần số hoa của Hoa. Hỏi Huệ có bao nhiêu bông hoa?

- A. 14 bông hoa B. 41 bông hoa
C. 45 bông hoa D. 54 bông hoa

Câu 4: Điền số thích hợp vào dãy số: 9, 18, 27, 36,

- A. 37 B. 28 C. 43 D. 45

Câu 5: Biết 2 bao gạo nặng 20kg. Hỏi 6 bao gạo thì nặng bao nhiêu kg?

- A. 120kg B. 40kg C. 12kg D. 60kg

Câu 6: Mỗi gói bim bim nặng 120g. Hỏi 5 gói bim bim nặng bao nhiêu g?

- A. 512g B. 125g C. 600g D. 250g

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Tính:

- a, $9 \times 6 + 17$ b, $9 \times 3 \times 4$ c, $9 \times 8 - 23$ d, $9 \times 9 \div 9$

Câu 2: Biết $\frac{1}{4}$ quả dưa nặng 500g. Hỏi quả dưa đó nặng bao nhiêu kg?

Câu 3: Biết hai hộp sữa nặng 1kg. Biết vỏ mỗi gộp nặng 60g. Hỏi trong hai hộp có bao nhiêu gam sữa?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 14. ĐỀ 2

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Biết $9 \times 7 = 63$. Tính nhẩm: $9 \times \dots = 630$

- A. 77 B. 7 C. 70 D. 17

Câu 2: Trang trại có 25 con lợn, số con gà nhiều gấp 9 lần số con lợn. Hỏi trang trại có bao nhiêu con gà?

- A. 250 B. 225 C. 215 D. 25

Câu 3: Tính: $9 + 9 \times 6 = ?$

- A. 63 B. 45 C. 72 D. 54

Câu 4: Điền số thích hợp vào dãy số: 10, 19, 28,, 46

- A. 45 B. 29 C. 37 D. 30

Câu 5: Biết 3 quả cam nặng 300g. Hỏi 9 quả cam nặng bao nhiêu g?

- A. 300g B. 900g C. 90g D. 270g

Câu 6: Người ta bán 50 xu cho mỗi 100g thịt. Hỏi nếu thịt nặng 500g thì có giá bao nhiêu tiền?

- A. 200 xu B. 100 xu C. 150 xu D. 250 xu

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Tìm x biết:

a, $(x + 9) \times 9 = 81$

b, $(x + 24) \div 9 = 7$

c, $x - 56 = 8 \times 9$

d, $x + 25 = 9 \times 10$

Câu 2: Một túi cam nặng 500g. Hỏi 9 túi cam nặng bao nhiêu g?

Câu 3: Mẹ Hà mua 4 túi bánh và một túi kẹo. Biết túi bánh nặng 30g, túi kẹo nặng 15g. Hỏi mẹ Hà đã mua tất cả bao nhiêu gam bánh và kẹo?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 14. ĐỀ 3

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Tính: $9 + 9 + 9 + 9 + 9 + 9 = ?$

- A. 81 B. 54 C. 99 D. 45

Câu 2: Trang trại có 15 con lợn, số gà nhiều gấp 9 lần số lợn. Hỏi trang trại có tất cả bao nhiêu con gà và lợn?

- A. 150 B. 135 C. 145 D. 165

Câu 3: Phép tính nào dưới đây là đúng?

- A. $9 + 9 + 9 + 9 + 9 = 9 \times 4$ B. $9 + 9 + 9 + 9 = 9 \times 5$
C. $9 + 9 + 9 = 9 \times 6$ D. $9 + 9 + 9 + 9 + 9 = 9 \times 5$

Câu 4: Tính: $100 - 9 \times 4 = ?$

- A. 65 B. 75 C. 64 D. 91

Câu 5: Một hộp đường nặng 325g, người ta đổ thêm vào 478g đường. Hỏi hộp đường nặng bao nhiêu gam?

- A. 830g B. 803g C. 703g D. 813g

Câu 6: Hạnh xách một chiếc túi có chứa 340g kẹo và 200g bánh. Hỏi túi Hạnh xách nặng bao nhiêu gam?

- A. 540g B. 640g C. 440g D. 360g

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

- a, $93 \div 9$ b, $120 + 276$ c, $356 - 42$ d, 18×9

Câu 2: Lớp học có 45 bạn học sinh được chia đều thành 9 hàng. Hỏi mỗi hàng có bao nhiêu bạn?

Câu 3: Cô Hoà dùng túi bột nặng 1kg để làm bánh. Cô lấy ra 400g bột. Hỏi còn lại bao nhiêu gam bột?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 15. ĐỀ 1

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Trong phép chia cho 9, số dư lớn nhất có thể có là:

- A. 8 B. 7 C. 9 D. 0

Câu 2: Khu dân cư có 90 ô đất. Biết $\frac{1}{9}$ ô đất đó đã xây nhà (ô đất đủ để xây 1 căn nhà).

Hỏi đã có bao nhiêu ngôi nhà trong khu đất đó?

- A. 10 ngôi nhà B. 81 ngôi nhà C. 9 ngôi nhà
D. 80 ngôi nhà

Câu 3: Điền số thích hợp vào dãy số: 108, 99, 90,.....

- A. 85 B. 92 C. 72 D. 81

Câu 4: Tính: $136 \div 3 = ?$

- A. 45 B. 45 dư 1 C. 48 D. 48 dư 1

Câu 5: Tìm x: $x \div 6 = 165 \text{ dư } 5$

- A. 989 B. 995 C. 983 D. 994

Câu 6: Có 20 thùng hàng. Mỗi thùng có 10 ngôi sao. Hỏi có tất cả bao nhiêu ngôi sao?

- A. 300 ngôi sao B. 100 ngôi sao C. 200 ngôi sao
D. 400 ngôi sao

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Tính nhẩm:

- a, 9×5 b, $72 \div 9$ c, 9×8 d, $81 \div 9$

Câu 2: Một công ty dự định xây 45 ngôi nhà. Đến nay đã xây dựng được $\frac{1}{9}$ số ngôi nhà.

Hỏi công ty còn phải xây bao nhiêu ngôi nhà nữa?

Câu 3: Một thùng kẹo có 405 chiếc kẹo được chia đều vào 9 túi. Cửa hàng đã bán đi 3 túi.

Hỏi cửa hàng đã bán được bao nhiêu chiếc kẹo?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 15. ĐỀ 2

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Có 7 quả chuối và 1 quả dâu. Hỏi số quả dâu bằng một phần mấy quả chuối?

A. $\frac{1}{7}$

B. $\frac{1}{8}$

C. $\frac{1}{6}$

D. $\frac{1}{9}$

Câu 2: Tính: $25 \div 9 = ?$

A. 2 dư 6

B. 2 dư 7

C. 2 dư 8

D. 2 dư 5

Câu 3: Trong các phép chia cho 9, số dư nhỏ nhất có thể là:

A. 1

B. 0

C. 8

D. 2

Câu 4: Số nào giảm đi 3 lần rồi cộng thêm 2 đơn vị thì bằng 120?

A. 360

B. 323

C. 364

D. 354

Câu 5: Có 234 học sinh xếp hàng. Mỗi hàng có 9 học sinh. Hỏi có tất cả bao nhiêu hàng?

A. 26 hàng

B. 27 hàng

C. 25 hàng

D. 27 hàng

Câu 6: Tìm x: $(x + 21) \times 9 = 252$

A. $x = 4$

B. $x = 5$

C. $x = 6$

D. $x = 7$

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

a, $77 \div 2$

b, $683 \div 4$

c, $59 \div 7$

d, $872 \div 8$

Câu 2: Một tổp công nhân có 240 người. Trong đó $\frac{1}{4}$ số công nhân là công nhân nữ. Hỏi có bao nhiêu công nhân nữ?

Câu 3: Mẹ Minh năm nay 28 tuổi. Hỏi Minh bao nhiêu tuổi? Biết $\frac{1}{5}$ tổng số tuổi của 2 mẹ con hiện tại là 7 tuổi.

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 15. ĐỀ 3

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Có 7 quả cam và 1 quả dâu. Hỏi số quả dâu bằng một phần mấy tổng số quả?

A. $\frac{1}{7}$

B. $\frac{1}{9}$

C. $\frac{1}{2}$

D. $\frac{1}{8}$

Câu 2: Số dư của phép chia $62 \div 9$ là:

A. 7

B. 8

C. 9

D. 6

Câu 3: Tính: $390 \div 6 = ?$

A. 65

B. 60

C. 63

D. 75

Câu 4: Tìm x: $x \div 2 = 388$ dư 1

A. $x = 775$

B. $x = 774$

C. $x = 777$

D. $x = 778$

Câu 5: Một lớp học có 33 học sinh được xếp vào phòng học loại bàn 2 chỗ ngồi. Hỏi cần ít nhất bao nhiêu bàn để ai cũng có chỗ ngồi?

A. 15

B. 16

C. 17

D. 18

Câu 6: Một sân vận động dài 364m được chia thành 7 đoạn bằng nhau. Hỏi mỗi đoạn dài bao nhiêu mét?

A. 53

B. 52

C. 55

D. 54

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Tìm x biết:

a, $(x + 72) \times 4 = 320$

b, $(x - 56) \times 7 = 749$

c, $(x + 3) \times 4 = 36$

d, $(x - 5) \times 6 = 72$

Câu 2: Một hộp bánh có 3 chiếc bánh. Hỏi với 561 chiếc bánh thì xếp được vào bao nhiêu hộp?

Câu 3: Minh có một cuốn truyện tranh dày 320 trang. Minh đã đọc được $\frac{1}{4}$ số trang. Hỏi Minh còn phải đọc bao nhiêu trang nữa thì hết truyện?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 16. ĐỀ 1
MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Tính: $79 + 34 - 19 = ?$

- A. 94 B. 49 C. 79 D. 50

Câu 2: Giờ nào sau đây có kim giờ và kim phút tạo thành 1 góc 90° :

- A. 3 giờ 10 phút B. 3 giờ C. 3 giờ 20 phút D. 3 giờ 5 phút

Câu 3: Điền số thích hợp vào dãy số: 1, 3, 4, 7, 11,

- A. 12 B. 13 C. 14 D. 18

Câu 4: So sánh: $20 + 5 \dots 40 + 2 \times 6$

- A. $>$ B. $<$
C. $=$ D. Không thể so sánh

Câu 5: Tìm x: $x \div 9 + 10 = 19$

- A. 81 B. 19 C. 9 D. 90

Câu 6: Tính: $10 \times 3 \times 4 = ?$

- A. 140 B. 120 C. 34 D. 134

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

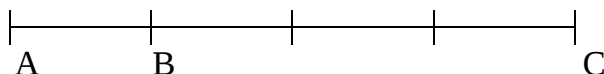
a, 231×3

b, $630 \div 7$

c, 128×4

d, $742 \div 6$

Câu 2: Quảng đường AB dài 218m, quãng đường BC dài gấp 3 lần quãng đường AB (Hình vẽ). Hỏi quãng đường AC dài bao nhiêu mét?



Câu 3: Tìm một số biết rằng số đó nhân với 7 rồi cộng với 41 thì được một biểu thức có giá trị bằng 300.

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 16. ĐỀ 2

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Tính: $245 \times (43 - 39) = ?$

A. 980

B. 908

C. 890

D. 809

Câu 2: Điền số thích hợp vào dãy số: 2, 4, 6, 10, 16,

A. 17

B. 18

C. 26

D. 22

Câu 3: So sánh: $55 \div 5 \times 3 \dots 32$

A. >

B. <

C. =

D. Không thể so sánh

Câu 4: Tìm x: $20 \times 9 \div x = 90$

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 5: Tính: $55 \div 5 \times 4 = ?$

A. 44

B. 200

C. 48

D. 40

Câu 6: Tìm x: $x \div 2 + 15 = 74$

A. 168

B. 108

C. 118

D. 178

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Tìm x biết:

$$a, (x + 24) \times 3 = 75$$

$$b, (x - 34) \div 7 = 15$$

Câu 2: Một gói kẹo nặng 20g, một gói bánh nặng 40g. Mẹ mua 2 gói kẹo và 5 gói bánh. Hỏi số bánh kẹo mẹ mua nặng bao nhiêu gam?

Câu 3: Một cửa hàng có 183kg gạo. Người ta bán đi 78 kg gạo. Số còn lại chia đều vào 7 túi. Hỏi mỗi túi có bao nhiêu kg gạo?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 16. ĐỀ 3

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Tính: $34 - 4 \times 5 - 10 = ?$

A. 130

B. 4

C. 140

D. 14

Câu 2: Điền số thích hợp vào dãy số: 1, 4, 7, 10, 13,

A. 14

B. 15

C. 16

D. 17

Câu 3: So sánh: $47 \dots 84 - 34 - 3$

A. >

B. <

C. =

D. Không thể so sánh

Câu 4: Tìm x biết: $8 \times x - 60 = 28$ $x = ?$

A. $x = 8$

B. $x = 9$

C. $x = 10$

D. $x = 11$

Câu 5: Số nào giảm đi 25 đơn vị rồi giảm tiếp 2 lần thì bằng 10?

A. 45

B. 40

C. 25

D. 50

Câu 6: Mỗi bông hoa hồng có giá 9 xu, mỗi bông hoa cẩm chướng có giá 7 xu. Mẹ mua 5 bông hoa hồng và 5 bông hoa cẩm chướng hết bao nhiêu tiền?

A. 35 xu

B. 70 xu

C. 45 xu

D. 80 xu

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Tính:

a, $273 - 18 \times 6$

b, $285 + 27 \div 9$

c, $9 \times 10 \times 3$

d, $284 \div 4 \times 2$

Câu 2: Mẹ hái được 70 quả đào, chị hái được 35 quả đào. Số đào đó được xếp đều vào 7 thùng. Hỏi mỗi thùng có bao nhiêu quả đào?

Câu 3: Cho biểu thức $5 \times 6 + 48 \div 3$. Hãy đặt các dấu ngoặc đơn vào biểu thức trên để được các kết quả sau: a, 90 b, 26

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 17. ĐỀ 1

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Tính: $238 - (55 - 35) = ?$

A. 148

B. 184

C. 218

D. 228

Câu 2: Tìm x: $x \times 8 + 72 = 72$

x = ?

A. x = 0

B. x = 1

C. x = 2

D. x = 3

Câu 3: Cho hình vẽ:



Hỏi hình bên có bao nhiêu hình chữ nhật?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 4: Hình vẽ trên (Câu 3) có bao nhiêu hình tam giác?

A. 2

B. 3

C. 5

D. 4

Câu 5: Có 25 chiếc bánh. Nếu thêm 5 chiếc bánh thì xếp đều được vào 3 thùng. Hỏi mỗi thùng có bao nhiêu chiếc bánh?

A. 10 chiếc bánh

B. 8 chiếc bánh

C. 6 chiếc bánh

D. 5 chiếc bánh

Câu 6: Một hình chữ nhật có chiều dài 2dm, chiều rộng 2cm. Hỏi chiều dài hơn chiều rộng bao nhiêu cm?

A. 20cm

B. 2cm

C. 18cm

D. 10cm

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Tính:

a, $(48 + 13) \times 4 - 279 \div 9$

b, $832 - 816 \div 6 \times (24 \div 8)$

Câu 2: Có 120 hộp sữa xếp đều vào 2 kệ. Mỗi kệ để được 3 thùng. Hỏi mỗi thùng có bao nhiêu hộp sữa?

Câu 3: Một hình chữ nhật có chiều dài là 24m. Chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài. Hỏi chiều rộng dài bao nhiêu mét?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 17. ĐỀ 2

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Tính: $84 \div (4 \div 2) = ?$

A. 10

B. 11

C. 42

D. 24

Câu 2: Tìm x: $81 \div (3 \times x) = 9$

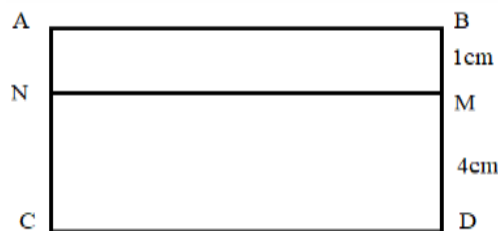
A. 0

B. 1

C. 2

D. 3

Câu 3: Cho hình vẽ:



Hình chữ nhật ABDC có chiều rộng bằng bao nhiêu cm?

A. 1cm

B. 4cm

C. 5cm

D. 6cm

Câu 4: Chiều rộng hình chữ nhật ABDC lớn hơn chiều rộng hình chữ nhật ABMN là bao nhiêu cm? (hình vẽ câu 3)

A. 3cm

B. 1cm

C. 4cm

D. 2cm

Câu 5: Hình vẽ trên có bao nhiêu hình chữ nhật?

A. 4

B. 3

C. 2

D. 1

Câu 6: Hình chữ nhật có tổng chiều dài và chiều rộng là 75cm. Chiều rộng hình chữ nhật bằng $\frac{1}{5}$ tổng chiều dài và chiều rộng. Hỏi chiều dài hình chữ nhật là bao nhiêu cm?

A. 60

B. 13

C. 15

D. 40

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Tính:

a, $(101 + 7) \times 9$

b, $89 \times 2 + 130$

Câu 2: Một cửa hàng có 36 chiếc quạt. Ngày thứ nhất bán được $\frac{1}{4}$ số quạt. Ngày thứ hai bán được $\frac{1}{3}$ số quạt còn lại. Hỏi cửa hàng ngày thứ hai bán được bao nhiêu chiếc quạt?

Câu 3: Một hình chữ nhật có chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài. Nếu mở rộng chiều dài thêm 12m ta được 27m. Hỏi chiều dài và chiều rộng ban đầu hình chữ nhật là bao nhiêu?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 17. ĐỀ 3
MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

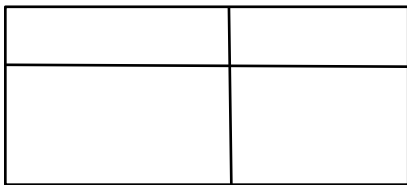
Câu 1: Tính: $175 - (30 + 20)$

- A. 165 B. 145 C. 125 D. 135

Câu 2: Tìm x: $48 \div (6 \div x) = 8$

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 3: Cho hình vẽ:



Hình bên có bao nhiêu hình chữ nhật?

- A. 6 B. 9
C. 8 D. 7

Câu 4: Tính: $6 \times 6 + 8 \times 8 = ?$

- A. 28 B. 72 C. 100 D. 68

Câu 5: Hai đội công nhân cùng làm chung một đoạn đường dài 585m. Đội A có 5 người, đội B có 4 người. Hỏi mỗi công nhân phải làm bao nhiêu mét đường? (các công nhân làm như nhau)

- A. 66m B. 64m C. 60m D. 65m

Câu 6: Một hình chữ nhật có chiều dài 24m, chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài. Hỏi chiều dài hơn chiều rộng bao nhiêu mét?

- A. 8m B. 16m C. 24m D. 12m

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Tính:

a, $876 - 24 \times 5 - 621 \div 9$

b, $(596 - 496) \times 2 + 7 \times (456 \div 4)$

Câu 2: Theo kế hoạch, một tổ sản xuất phải dệt 450 chiếc áo len. Tổ đó đã làm được $\frac{1}{5}$ số chiếc áo len theo kế hoạch. Hỏi tổ đó còn phải dệt bao nhiêu chiếc áo len nữa?

Câu 3: Một hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 16m. Chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Hỏi chiều dài và chiều rộng hình chữ nhật đó bằng bao nhiêu mét?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 18. ĐỀ 1

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Số chín trăm mười hai viết là:

A. 92

B. 902

C. 912

D. 921

Câu 2: Tính: $840 \div (2 + 2) = ?$

A. 210

B. 220

C. 202

D. 120

Câu 3: Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 7m 3cm = cm

A. 73

B. 703

C. 730

D. 713

Câu 4: Một chiếc bìa hình chữ nhật có chiều dài là 25dm, chiều rộng 1dm. Chu vi miếng bìa đó là bao nhiêu dm?

A. 52dm

B. 70dm

C. 26dm

D. 60dm

Câu 5: Hình vuông có mấy góc vuông?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 6: Một cái ao hình vuông có cạnh 6m. Chu vi cái ao đó là:

A. 24m

B. 30m

C. 12m

D. 18m

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

a, $533 + 182$

b, $782 - 254$

c, 172×7

d, $798 \div 7$

Câu 2: Người ta xếp 100 cái bánh vào các hộp, mỗi hộp có 4 cái bánh. Sau đó, người ta xếp các hộp vào các thùng, mỗi thùng 5 hộp. Hỏi có bao nhiêu thùng bánh?

Câu 3: Có 5 thùng sách, mỗi thùng đựng được 117 quyển sách. Số sách đó chia đều cho 9 thư viện trường học. Hỏi mỗi thư viện được chia bao nhiêu quyển sách?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 18. ĐỀ 2

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Cho số bé là 5, số lớn là 35. Hỏi số lớn gấp mấy lần số bé?

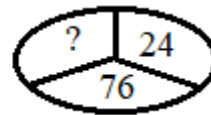
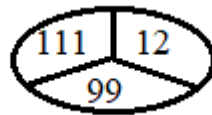
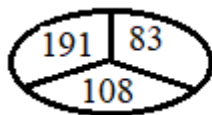
A. 8 lần

B. 7 lần

C. 6 lần

D. 5 lần

Câu 2: Điền số thích hợp vào dấu “?”:



A. 108

B. 99

C. 76

D. 100

Câu 3: Tính: $930 - 18 \div 3 = ?$

A. 924

B. 304

C. 612

D. 912

Câu 4: Hình chữ nhật có bao nhiêu góc vuông?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 5: Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $9\text{m } 8\text{cm} = \dots\dots\dots \text{cm}$

A. 98

B. 908

C. 980

D. 9080

Câu 6: Một hình chữ nhật có chiều rộng 6cm. Chiều dài hơn chiều rộng 7cm. Hỏi chu vi hình chữ nhật là bao nhiêu cm?

A. 38cm

B. 19cm

C. 13cm

D. 42cm

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Tìm x biết:

a, $90 \div (x + 7) = 6$

b, $(x + 24) \div 5 = 83$

Câu 2: Có 750 quyển sách xếp đều vào 5 tủ, mỗi tủ có 2 ngăn. Hỏi mỗi ngăn có bao nhiêu quyển sách? Biết mỗi ngăn có số sách là như nhau.

Câu 3: Một cửa hàng nhập về 168 tấn gạo, chia đều vào 3 kho. Sau đó, cửa hàng nhập thêm vào mỗi kho 16 tấn gạo và bán hết số gạo trong 2 kho. Hỏi cửa hàng đã bán được bao nhiêu tấn gạo?

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI TUẦN 18. ĐỀ 3

MÔN: TOÁN 3

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm). Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Số nhỏ nhất có 3 chữ số khác nhau là:

A. 102

B. 101

C. 100

D. 120

Câu 2: Tính: $789 - 45 + 55 = ?$

A. 100

B. 799

C. 744

D. 689

Câu 3: Có 7 con vịt, số gà nhiều hơn số vịt 56 con. Hỏi số vịt bằng một phần mấy số gà?

A. $\frac{1}{7}$

B. $\frac{1}{9}$

C. $\frac{1}{5}$

D. $\frac{1}{8}$

Câu 4: Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $8 \times 7 < \dots \times 8$

A. 7

B. 5

C. 8

D. 6

Câu 5: Gấp 7 lần của 10 lít là:

A. 15 lít

B. 49 lít

C. 70 lít

D. 17 lít

Câu 6: Số nhỏ nhất có 4 chữ số là:

A. 1023

B. 1001

C. 1012

D. 1000

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Tính:

a, $267 + 125 - 278$

b, $583 - 83 \times 3$

Câu 2: Một cửa hàng có 453kg gạo, cửa hàng đã bán được $\frac{1}{3}$ số gạo. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu kg gạo?

Câu 3: Lan có 6 hộp kẹo. Sau khi Lan cho bạn 24 viên kẹo thì Lan còn lại 4 hộp kẹo. Hỏi Lan có tất cả bao nhiêu viên kẹo?

